

Số: 131/GMD-2026
No. 131/GMD-2026

TP.HCM, ngày 26 tháng 06 năm 2026
Ho Chi Minh City, June 26, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept/ *Gemadept Group Corporation*
 - Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code*: GMD
 - Địa chỉ/*Address*: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn, TP.HCM/ No. 6 Le Thanh Ton, Saigon Ward, Ho Chi Minh City
 - Điện thoại liên hệ/Tel.: 028. 38 236 236 - Fax: 028. 38 235 236
 - E-mail: info@gemadept.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

Ngày 26 tháng 06 năm 2026 Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept ban hành Nghị quyết số 128/NQ-HĐQT-GMD Về việc: Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESPP 2025 và Danh sách người lao động được mua cổ phiếu./

On June 26, 2026, the Board of Directors of Gemadept Group Corporation issued Resolution No. 128/NQ-HDQT-GMD Re: Implementation of the Share Issuance Plan under ESPP 2025 and approval of the List of Employees eligible to purchase shares.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/06/2026 tại đường dẫn website: <http://www.gemadept.com.vn/> *This information was published on the company's website on June 26, 2026 as in the link website: http://www.gemadept.com.vn.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/ *Attached document*

NQ HĐQT số 128/NQ-HĐQT-GMD
ngày 26/06/2026/ *Resolution No. 128/NQ-*
HDQT-GMD date 26 June, 2026.

Đại diện tổ chức/ *Organization representative*

Người UQ GBTT/*Person authorized to disclose information*



NGUYỄN MINH NGUYỆT

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

V/v: Triển khai Phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESPP 2025 và Danh sách người lao động được mua cổ phiếu

Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, đã được sửa đổi bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, đã được sửa đổi bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 155”);
- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 245”);
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 080/NQ-ĐHĐCĐ-GMD ngày 06/05/2026;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept;
- Biên bản họp HĐQT số 127/BB-HĐQT-GMD ngày 26/06/2026.

QUYẾT NGHỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept đã thống nhất thông qua toàn bộ nội dung và nghị quyết như sau:

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESPP 2025 cụ thể như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Gemadept.
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

3. Mã chứng khoán: GMD.
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 426.495.109 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu phát hành: 6.397.400 cổ phiếu, tương đương 1,5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
7. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 63.974.000.000 đồng.
8. Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.
9. Mục đích phát hành: Đảm bảo mang đến lợi ích và giá trị cao nhất dành cho tất cả các bên liên quan; Giữ chân và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; Tăng cường sự gắn kết, khuyến khích và tạo động lực mạnh mẽ đối với người lao động cùng đóng góp tích cực hoàn thành xuất sắc kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 (năm 2025, lợi nhuận trước thuế của Công ty gấp 3 lần so với lợi nhuận trước thuế năm 2020); Đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Công ty;
10. Đối tượng phát hành: Các thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”) nhưng không bao gồm thành viên HĐQT độc lập, thành viên Ban kiểm soát (“BKS”); cùng với các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty, các cán bộ quản lý và nhân viên có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển của Công ty, đã ký hợp đồng lao động chính thức với Công ty hoặc các Công ty con do Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept sở hữu 100% vốn điều lệ (sau đây gọi tắt là các “CTC”); đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn người lao động tham gia Chương trình ESPP 2025 theo quy định tại mục 11 dưới đây (Sau đây gọi là chung là “Người Tham Gia ESPP”).

11. Các tiêu chuẩn người lao động tham gia Chương trình ESPP 2025:

Các cá nhân thuộc đối tượng phát hành theo Chương trình ESPP 2025 phải thỏa mãn các tiêu chuẩn sau:

- Là thành viên HĐQT nhưng không phải thành viên HĐQT độc lập; thành viên BKS; thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cán bộ quản lý và nhân viên có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực cho sự phát triển Công ty, đã ký hợp đồng lao động chính thức với Công ty hoặc các CTC có hiệu lực tối thiểu từ 31/12/2024 trở về trước và vẫn còn hiệu lực đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước (“UBCK”) ban hành thông báo về việc đã nhận đủ hồ sơ phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESPP 2025 của Công ty cũng như đến ngày kết thúc đợt phát hành.
- Các cá nhân có KPI hiệu quả công việc trong năm 2025 từ 100% trở lên.
- Các cá nhân không thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - + Vi phạm nội quy lao động nơi người lao động đang làm việc và đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật lao động;
 - + Đã nộp đơn xin nghỉ việc và đang trong quá trình thực hiện thủ tục chấm dứt hợp đồng

lao động;

- + Không được Công ty hoặc CTC tái ký hợp đồng lao động khi hợp đồng lao động hết hạn;
- + Bị Công ty hoặc CTC đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động.

12. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu phân phối cho từng Người Tham Gia ESPP:

- a) Hệ số xuất sắc: Là hệ số xác định trên cơ sở các cá nhân được vinh danh là cá nhân xuất sắc hoặc cá nhân thuộc tập thể được vinh danh là tập thể xuất sắc của Tập đoàn.
- + Tập thể đạt danh hiệu Tập thể xuất sắc năm 2025 được vinh danh trong Tập đoàn, mỗi cá nhân trong tập thể xuất sắc, được cộng thêm hệ số 0,09.
 - + Cá nhân đạt danh hiệu Cá nhân xuất sắc năm 2025 và được vinh danh trong Tập đoàn, được cộng thêm hệ số 0,18.
- b) Hệ số cá nhân: Số cổ phiếu được phân bổ cho từng CBCNV được tính dựa trên Tiêu chí đánh giá CBCNV theo: (i) Hiệu quả công việc, (ii) Cấp bậc, vị trí công tác và (iii) Thâm niên công tác.

STT	Tiêu chí đánh giá	Hệ số cá nhân
Tiêu chí 1	Hiệu quả công việc	0,65
Tiêu chí 2	Cấp bậc, vị trí công tác	0,20
Tiêu chí 3	Thâm niên công tác	0,15

- Tiêu chí 1: Hiệu quả công việc

STT	KPI hiệu quả công việc cá nhân = KPI cá nhân x KPI phòng ban x KPI công ty	KPI hiệu quả công việc cá nhân	Thang điểm quy đổi - PHQ
1	Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc		9 điểm
2	Vượt kế hoạch KPI (xuất sắc)	KPI từ 115 % trở lên	Từ 6,6 điểm đến dưới 9 điểm
3	Vượt kế hoạch KPI	KPI từ 106% đến dưới 115%	Từ 3,6 điểm đến dưới 6,6 điểm
4	Đạt kế hoạch KPI	KPI dưới 106% và trên 100%	Từ 0,6 điểm đến dưới 3,6 điểm

- Tiêu chí 2: Hệ số cấp bậc, vị trí công tác

STT	Hệ số cấp bậc, vị trí công tác	Thang điểm quy đổi - PCB
1	Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc	9 điểm

STT	Hệ số cấp bậc, vị trí công tác	Thang điểm quy đổi - PCB
2	Giám đốc khối Giám đốc Đơn vị Trưởng phòng GMD Phó giám đốc Đơn vị	Từ 5 điểm đến 8 điểm
3	Ban kiểm soát Trưởng phòng Đơn vị Phó phòng GMD Phó phòng Đơn vị	Từ 3 điểm đến 4 điểm
4	Trưởng nhóm GMD Chuyên viên tại GMD Trưởng nhóm Đơn vị Chuyên viên Đơn vị	Từ 1 điểm đến 2 điểm

- Tiêu chí 3: Thâm niên công tác

STT	Thâm niên công tác	Thang điểm quy đổi - PTN
1	Từ 34 năm trở lên	9 điểm
2	Từ 20 năm đến dưới 34 năm	Từ 5,5 điểm đến 8,5 điểm
3	Từ 6 năm đến dưới 20 năm	Từ 2,0 điểm đến 5,0 điểm
4	Từ 1 năm đến dưới 6 năm	Từ 0,5 điểm đến 1,5 điểm

c) Công thức tính số cổ phiếu phân bổ:

Dựa trên các tiêu chí nêu trên, số lượng cổ phiếu của từng người lao động được phân bổ theo công thức sau:

- **Điểm số quy đổi của cá nhân** = $(P_{HQ} \times 0,65 + P_{CB} \times 0,20 + P_{TN} \times 0,15) + [\text{hệ số tập thể xuất sắc} + \text{hệ số cá nhân xuất sắc (nếu có)}]$
- **Số lượng cổ phiếu cá nhân** = Số lượng cổ phiếu cá nhân được quy đổi từ Điểm số quy đổi của cá nhân theo thang quy đổi như sau:

Nhóm / Số lượng cổ phiếu cá nhân	Điểm số quy đổi của cá nhân
Nhóm 1 Từ 92.000 cổ phiếu đến 105.000 cổ phiếu	Từ 8,18 điểm đến 9 điểm
Nhóm 2 Từ 82.000 cổ phiếu đến dưới 92.000 cổ phiếu	Từ 7,24 điểm đến dưới 8,18 điểm
Nhóm 3 Từ 72.000 cổ phiếu đến dưới 82.000 cổ phiếu	Từ 6,30 điểm đến dưới 7,24 điểm

Nhóm / Số lượng cổ phiếu cá nhân	Điểm số quy đổi của cá nhân
Nhóm 4 Từ 62.000 cổ phiếu đến dưới 72.000 cổ phiếu	Từ 5,36 điểm đến dưới 6,30 điểm
Nhóm 5 Từ 52.000 cổ phiếu đến dưới 62.000 cổ phiếu	Từ 4,42 điểm đến dưới 5,36 điểm
Nhóm 6 Từ 42.000 cổ phiếu đến dưới 52.000 cổ phiếu	Từ 3,48 điểm đến dưới 4,42 điểm
Nhóm 7 Từ 32.000 cổ phiếu đến dưới 42.000 cổ phiếu	Từ 2,54 điểm đến dưới 3,48 điểm
Nhóm 8 Từ 22.000 cổ phiếu đến dưới 32.000 cổ phiếu	Từ 1,60 điểm đến dưới 2,54 điểm
Nhóm 9 Từ 12.000 cổ phiếu đến dưới 22.000 cổ phiếu	Từ 0,66 điểm đến dưới 1,60 điểm
Nhóm 10 Từ 5.000 cổ phiếu đến dưới 12.000 cổ phiếu	Từ dưới 0,66 điểm

Nguyên tắc phân bổ số cổ phiếu trong mỗi Nhóm: Trong mỗi Nhóm, các cá nhân có cùng mức điểm được phân bổ số cổ phiếu như nhau, cá nhân có điểm số càng cao thì số lượng cổ phiếu được phân bổ càng lớn. Cứ mỗi mức tăng 0,09 điểm trong khoảng điểm của Nhóm, số lượng cổ phiếu được phân bổ tăng thêm tương ứng 1.000 cổ phiếu. Trường hợp mức chênh lệch điểm không tròn theo bội số của 0,09 điểm, số lượng cổ phiếu tăng thêm được xác định trong khoảng từ 100 đến 900 cổ phiếu.

Hội đồng quản trị xác định và điều chỉnh số lượng cổ phiếu được phân phối cho từng Người Tham Gia ESPP theo nguyên tắc trên, đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối cho toàn bộ Người Tham Gia ESPP bằng số lượng cổ phiếu phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua.

13. Hạn chế chuyển nhượng: Toàn bộ cổ phiếu phát hành theo Chương trình ESPP 2025 (sau đây gọi tắt là “Cổ phiếu ESPP”) sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành; ngay sau thời điểm đủ 02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, 50% số cổ phiếu được phép chuyển nhượng; ngay sau thời điểm đủ 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành, 100% số cổ phiếu được phép chuyển nhượng; trừ trường hợp cổ phiếu bị thu hồi/mua lại theo quy định tại mục 16. Để làm rõ, hạn chế chuyển nhượng nêu trên chỉ áp dụng đối với Cổ phiếu ESPP; cổ phiếu phát sinh từ Cổ phiếu ESPP do Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu và/hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu/cổ phiếu quỹ (nếu có) sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

14. Kế hoạch sử dụng tiền từ đợt phát hành: Bổ sung vốn lưu động của Công ty.

15. Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có): Số cổ phiếu chưa phân phối hết là số cổ phiếu còn dư do Người Tham Gia ESPP từ chối mua (bao gồm không đăng ký mua hoặc có đăng ký mua nhưng không nộp hoặc nộp không đủ tiền trong thời gian quy định)

hoặc do trong khoảng thời gian từ lúc HĐQT thông qua danh sách Người Tham Gia ESPP đến thời điểm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo về việc nhận đủ hồ sơ phát hành cổ phiếu của Công ty hoặc đến thời điểm kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu theo thông báo phát hành, Người Tham Gia ESPP không còn thuộc đối tượng và/hoặc không đáp ứng điều kiện tham gia Chương trình ESPP 2025. HĐQT sẽ tiếp tục phân phối lại số cổ phiếu chưa phân phối này cho những Người Tham Gia ESPP khác theo danh sách đã được lựa chọn ban đầu với cùng mức giá phát hành. Số lượng cổ phiếu được phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng như quy định tại mục 13.

16. Quy định về thu hồi/mua lại cổ phiếu:

- Người Tham Gia ESPP sẽ bị thu hồi/mua lại toàn bộ số cổ phiếu ESPP đang bị hạn chế chuyển nhượng trong trường hợp sau đây:
 - + Thành viên HĐQT, thành viên BKS bị bãi nhiệm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
 - + Người lao động vi phạm kỷ luật của Công ty hoặc CTC với hình thức kỷ luật sa thải.
- Trong các trường hợp bị thu hồi/mua lại cổ phiếu nêu trên, Người Tham Gia ESPP phải chuyển nhượng lại toàn bộ số cổ phiếu ESPP bị thu hồi về Công ty với giá bằng giá phát hành và toàn bộ số cổ phiếu ESPP được Công ty thu hồi/mua lại sẽ trở thành cổ phiếu quỹ.
- Đối với số cổ phiếu ESPP được Công ty thu hồi/mua lại theo quy định tại mục này, Công ty được quyền bán ra theo phương thức khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận theo quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán, đảm bảo việc bán ra phù hợp với quy định pháp luật tại từng thời điểm.
- Trường hợp Người Tham Gia ESPP sở hữu Cổ phiếu ESPP đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng bị chết, mất khả năng lao động không thể tiếp tục làm việc tại Công ty, nghỉ hưu theo quy định pháp luật hoặc được điều động/chuyển công tác theo quyết định của Công ty, hoặc thành viên HĐQT, BKS được ĐHĐCĐ miễn nhiệm do hết nhiệm kỳ, vì vấn đề sức khỏe hoặc lý do chính đáng khác; thì Người Tham Gia ESPP đó (hoặc người thừa kế hợp pháp) vẫn được hưởng đầy đủ quyền và lợi ích phát sinh từ số Cổ phiếu ESPP đang sở hữu mà không bị thu hồi/mua lại.
- Đối với các trường hợp đặc biệt khác phát sinh trong quá trình cổ phiếu ESPP còn bị hạn chế chuyển nhượng mà chưa được quy định nêu trên, HĐQT xem xét, quyết định phương án xử lý phù hợp với quy định pháp luật và lợi ích của Công ty tại từng thời điểm.

17. Thời gian thực hiện: Dự kiến trong tháng 7 – tháng 8/2026, sau khi nhận được văn bản của UBCK thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu của Công ty.

18. Đăng ký và đăng ký niêm yết cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được đăng ký bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Điều 2: Thông qua Danh sách người lao động được mua cổ phiếu theo Chương trình ESPP 2025

Thông qua Danh sách người lao động được mua cổ phiếu theo chương trình ESPP 2025 tại Phụ lục đính kèm.

Điều 3: Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Theo Công văn số 3333/UBCK-PTTT của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của CTCP Gemadept ngày 01/06/2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định là 49%.
- Trong đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESPP 2025 này, toàn bộ cổ phiếu sẽ được phân phối cho các đối tượng là cá nhân trong nước, vì vậy không làm tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty, đảm bảo tuân thủ việc phát hành đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định.

Điều 4: Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty kiêm Người đại diện theo Pháp luật hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền tổ chức chỉ đạo, triển khai ký kết các văn bản liên quan bao gồm cả các văn bản giải trình với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có) để hoàn thành đợt phát hành.

Điều 5: Nghị Quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng ban chức năng có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



ĐỖ VĂN NHÂN



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN DÀNH CHO CÁN BỘ NHÂN

VIÊN CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Nghị quyết HĐQT số 128/NQ-HĐQT-GMD ngày 26/06/2026)

STT	Họ	Tên	Số CMND/ CCCD	Hiệu quả công việc (Hệ số = 0.65) PHQ	Hệ số cấp bậc (Hệ số = 0.20) PCB	Thâm niên công tác (Hệ số = 0.15) PTN	Điểm cá nhân (= PHQ x 0.65 + PCB x 0.20 + PTN x 0.15)	Hệ số điều chỉnh (hệ số tập thể xuất sắc + hệ số cá nhân xuất sắc)	Tổng điểm số cá nhân	Số lượng cổ phiếu phân bổ	Đơn vị
1	Nguyễn Tuấn	Anh		3.54	2.00	4.50	3.38	-	3.38	40,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
2	Tăng Thị Phương	Anh		7.74	7.00	7.50	7.56	-	7.56	85,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
3	Đinh Thị Thúy	Anh		6.62	2.00	6.50	5.68	-	5.68	65,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept

4	Võ Thị Kim	Anh		8.72	3.00	4.50	6.94	-	6.94	78,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
5	Nguyễn Hoàng	Anh		4.66	2.00	1.50	3.65	-	3.65	43,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
6	Vũ Thị Hoàng	Bắc		1.72	3.50	8.00	3.02	-	3.02	37,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
7	Đặng Thái	Bình		7.88	7.00	7.00	7.57	-	7.57	85,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
8	Nguyễn Thanh	Bình		9.00	9.00	9.00	9.00	-	9.00	105,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
9	Nguyễn Thị Ngọc	Cầm		2.84	2.00	4.00	2.85	-	2.85	35,000	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương
10	Phạm Tấn	Cang		8.58	3.00	6.00	7.08	0.09	7.17	81,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept

11	Nguyễn Quyết	Chiến		7.74	7.00	8.00	7.63	0.09	7.72	87,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
12	Trần Mạnh	Cường		4.38	2.00	3.50	3.77	-	3.77	45,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
13	Phạm Tất	Đạt		4.52	2.00	6.50	4.31	-	4.31	50,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
14	Đặng Đình	Đức		2.98	1.00	2.00	2.44	-	2.44	30,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
15	Nguyễn Văn	Đức		3.12	2.00	6.00	3.33	-	3.33	40,000	Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương
16	Đàm Phương	Dung		6.76	2.00	1.50	5.02	-	5.02	58,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
17	Hồ Thị Thanh	Dung		6.90	7.00	5.00	6.64	-	6.64	75,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long

18	Ngô Quang	Dung		6.62	3.00	5.50	5.73	-	5.73	65,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
19	Nguyễn Thế	Dũng		9.00	9.00	9.00	9.00	-	9.00	105,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
20	Trương Trung	Dũng		2.70	2.00	8.00	3.36	-	3.36	40,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
21	Lưu Tường	Giai		2.00	4.00	8.00	3.30	-	3.30	40,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
22	Trần Thị Thùy	Giang		4.94	2.00	1.50	3.84	-	3.84	45,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
23	Đông Văn	Hà		1.58	4.00	3.50	2.35	-	2.35	30,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
24	Ngô Thị Bích	Hà		8.44	3.00	6.50	7.06	-	7.06	80,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept

25	Nguyễn Mạnh	Hà		8.86	8.00	4.50	8.03	0.27	8.30	93,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
26	Tạ Thu	Hà		8.30	6.00	3.50	7.12	-	7.12	80,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
27	Dương Kim Ngọc	Hải		2.56	2.00	1.50	2.29	0.09	2.38	30,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
28	Phạm Hồng	Hải		7.74	6.00	9.00	7.58	-	7.58	85,000	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương
29	Trần Thị Bích	Hạnh		6.90	2.00	2.00	5.19	0.09	5.28	61,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
30	Nguyễn Trung	Hiếu		8.72	5.00	6.00	7.57	0.18	7.75	87,000	Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương

31	Nguyễn Thị Thùy	Hoa		6.76	3.00	6.50	5.97	0.09	6.06	69,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
32	Hoàng Lan	Huê		9.00	4.00	4.50	7.33	-	7.33	82,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
33	Lê Phi	Hùng		7.88	4.00	5.00	6.67	-	6.67	75,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
34	Bùi Thị Thu	Hương		9.00	9.00	9.00	9.00	-	9.00	105,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
35	Khúc Thanh	Hương		2.56	2.00	2.50	2.44	-	2.44	30,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
36	Phạm Quang	Huy		2.98	5.00	5.00	3.69	0.09	3.78	45,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept

37	Chu Đức	Khang		9.00	9.00	9.00	9.00	9.00	9.00	-	9.00	105,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
38	Đỗ Công	Khanh		9.00	9.00	9.00	9.00	9.00	9.00	-	9.00	105,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
39	Nguyễn Quốc	Khánh		1.02	2.00	9.00	2.41	-	2.41	-	2.41	30,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
40	Hoàng Ngọc	Lan		6.48	2.00	4.00	5.21	0.09	5.30		5.30	61,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
41	Nguyễn Ngọc	Lan		6.76	2.00	6.00	5.69	-	5.69		5.69	65,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
42	Trương Thị Kim	Liên		6.20	2.00	5.50	5.26	-	5.26		5.26	60,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
43	Lê Vũ Hoàng	Loan		8.58	3.50	4.00	6.88	-	6.88		6.88	78,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long

44	Trần Thị Thanh	Loan		6.62	2.00	6.50	5.68	-	5.68	65,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
45	Cao Quang	Lộc		8.58	4.00	6.50	7.35	0.09	7.44	84,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
46	Nguyễn Hữu	Lộc		3.12	2.00	1.00	2.58	-	2.58	32,400	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
47	Đào Hồng	Long		6.20	2.00	5.00	5.18	-	5.18	60,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
48	Phạm Quốc	Long		9.00	9.00	9.00	9.00	-	9.00	105,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
49	Trần Thanh	Long		5.50	2.00	2.00	4.28	-	4.28	50,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
50	Tạ Trường Thiên Lý			7.46	3.00	4.50	6.12	0.09	6.21	71,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi

51	Huỳnh	Mai		6.90	2.00	2.50	5.26	-	5.26	60,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
52	Lê Thị Thanh	Mai		1.30	2.00	4.50	1.92	-	1.92	25,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
53	Phan Thị Xuân	Mai		3.96	2.00	5.50	3.80	-	3.80	45,000	Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương
54	Diễn Đức Quốc	Minh		3.96	3.00	7.50	4.30	-	4.30	50,000	Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương
55	Lê Quang	Minh		2.56	2.00	1.50	2.29	0.09	2.38	30,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
56	Nguyễn Thị Hồng	Nga		6.20	2.00	5.00	5.18	-	5.18	60,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
57	Phan Thị Thanh	Nga		6.20	2.00	5.00	5.18	0.09	5.27	61,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept

DEPT * HCM

58	Trần Thị Quỳnh	Nga		7.60	7.00	8.00	7.54	-	7.54	85,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
59	Nguyễn Minh	Nguyệt		9.00	9.00	9.00	9.00	-	9.00	105,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
60	Đỗ Văn	Nhân		9.00	9.00	9.00	9.00	-	9.00	105,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
61	Nguyễn Ái	Nhi		6.20	4.00	6.00	5.73	-	5.73	65,000	Công ty TNHH Càng Phước Long
62	Ngô Đình Quốc	Nhựt		6.34	2.00	4.50	5.20	0.09	5.29	61,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
63	Vũ	Ninh		9.00	9.00	9.00	9.00	-	9.00	105,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
64	Phạm Thị	Oanh		6.06	2.00	2.00	4.64	-	4.64	54,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi

65	Trần Thế	Phiệt		0.60	2.00	8.00	1.99	-	1.99	26,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
66	Vũ Đình	Phúc		8.02	7.50	6.00	7.61	0.09	7.70	86,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
67	Nguyễn Thị Ngọc	Phương		8.86	3.50	4.00	7.06	-	7.06	80,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
68	Phạm Ngọc	Quân		8.86	4.00	3.50	7.08	0.18	7.26	82,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
69	Dặng Văn	Quang		7.04	2.00	1.50	5.20	-	5.20	60,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
70	Hồ Tấn	Quang		5.92	2.00	6.50	5.22	0.09	5.31	61,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
71	Lê Thị	Quế		6.20	2.00	5.00	5.18	-	5.18	60,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept

72	Nguyễn Thị Lệ	Quyên		7.74	3.00	3.50	6.16	0.27	6.43	73,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
73	Dương	Quỳnh		5.22	3.00	2.00	4.29	-	4.29	50,000	Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương
74	Trình Chính	Sinh		8.02	8.00	8.00	8.01	-	8.01	90,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
75	Nguyễn Ngọc	Son		7.60	2.00	2.50	5.72	-	5.72	65,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi
76	Võ Thiệu	Son		6.06	3.00	8.00	5.74	-	5.74	66,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
77	Hồ Thảo	Sương		6.48	2.00	2.50	4.99	-	4.99	58,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
78	Trần Đức	Thái		6.06	2.00	6.00	5.24	0.09	5.33	61,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadepi

79	Nguyễn Mạnh	Thám		1.58	5.50	9.00	3.48	-	3.48	41,000	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương
80	Nguyễn Mạnh	Thắng		3.54	2.00	4.50	3.38	-	3.38	40,000	Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương
81	Vương Hoàng	Thanh		1.58	2.00	4.50	2.10	-	2.10	27,000	Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương
82	Chu Thị Kim	Thảo		6.90	2.00	4.50	5.56	-	5.56	64,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
83	Nguyễn Thị Thu	Thảo		8.86	4.00	5.50	7.38	-	7.38	83,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
84	Phạm Duy	Thảo		0.88	2.00	6.50	1.95	-	1.95	25,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
85	Nhữ Đình	Thiện		5.08	5.50	8.50	5.68	-	5.68	65,000	Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M

86	Phạm Lê	Thu		6.62	2.00	3.50	5.23	0.09	5.32	61,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
87	Đỗ Thị Hoàng	Thu		6.48	2.00	5.50	5.44	0.09	5.53	63,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
88	Nguyễn Kiều	Thu		2.28	2.00	3.00	2.33	0.09	2.42	30,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
89	Cù Thị	Thuận		7.46	3.00	5.00	6.20	-	6.20	70,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
90	Trần Đức	Thuận		1.30	3.50	6.50	2.52	-	2.52	31,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
91	Nguyễn Thị Minh	Thùy		6.34	2.50	7.00	5.67	-	5.67	65,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept

92	Nguyễn Hà Thủy	Tiền		2.56	2.00	1.50	2.29	0.09	2.38	30,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
93	Bùi Thị Huyền	Trang		6.48	2.00	4.00	5.21	-	5.21	60,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
94	Đỗ Hoàng	Trang		8.72	3.00	4.00	6.87	-	6.87	78,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
95	Nguyễn Phương Uyên	Trang		4.66	2.00	1.50	3.65	-	3.65	43,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
96	Trần Thị Thu	Trang		8.86	4.00	5.50	7.38	0.09	7.47	84,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
97	Chu Đức	Trung		2.56	3.00	1.50	2.49	0.09	2.58	32,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept

98	Đoàn Nguyễn Anh	Trung		4.94	2.00	1.50	3.84	-	3.84	45,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
99	Nguyễn Quang	Trung		1.30	2.00	4.50	1.92	-	1.92	25,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
100	Cao Quang	Tuấn		5.92	3.00	5.00	5.20	0.09	5.29	61,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
101	Trần Anh	Tuấn		4.52	2.00	3.00	3.79	-	3.79	45,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept
102	Nguyễn Văn	Tuyên		2.84	-	0.50	1.92	-	1.92	25,000	Công ty TNHH Cảng Phước Long
103	Nguyễn Thị Thúy	Vân		8.58	3.00	5.00	6.93	-	6.93	78,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadept

104	Bùi Minh	Vương		3.82	2.00	3.00	3.33	-	3.33	40,000	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gemadep
TỔNG CỘNG										6,397,400	

TP.HCM, ngày 26 tháng 06 năm 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH BÌNH

